TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/HNGĐ-ST
Ngày 20-7-2022
V/v yêu cầu không công nhận là vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Thao

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thi

Ông Đỗ Văn Thư

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Trần Thị Minh Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thùy Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 về việc "yêu cầu không công nhận là vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn P sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Chị Trương Thị M, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01-6-2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn P trình bày:

Anh Nguyễn Văn P và chị Trương Thị M tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn. Anh và chị M chung sống với nhau ở nhà anh P tại thôn T, xã Đ, huyện AH (nay là huyện A), thành phố

Hải Phòng. Quá trình chung sống, thời gian đầu anh chị hoà thuận, hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Từ đầu năm 2021 đến nay, anh và chị M đã không còn chung sống với nhau nữa, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, tình cảm hai bên không thể hàn gắn, anh P đề nghị Toà án giải quyết không công nhận quan hệ giữa anh và chị M là vợ chồng.

Về con chung: Anh P và chị M có 02 con chung là Nguyễn Thị Q, sinh năm 1996 và Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1999. Các con chung đều đã trưởng thành nên anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con.

Về tài sản chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Trương Thị M trình bày:

Chị M xác nhận chị và anh P có chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình anh chị chung sống có hai con chung và mâu thuẫn trong cuộc sống chung như anh P trình bày là đúng. Từ đầu năm 2021 đến nay, chị và anh P không còn chung sống với nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm hai bên không còn, chị M đồng ý yêu cầu khởi kiện của anh P, đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa chị và anh P là vợ chồng.

Về con chung: Các con chung của chị với anh P đều đã trưởng thành nên chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con.

Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b Mục 3 Nghị quyết số 35/NQ-2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Xử: Không công nhận quan hệ giữa anh Nguyễn Văn P và chị Trương Thị M là vợ chồng. Về con chung: Anh P và chị M có 02 con chung đều đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết việc nuôi con. Về tài sản chung: Anh P và chị M không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền: Chị Trương Thị M cư trú tại Thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng nên Toà án nhân dân huyện An Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn P và bị đơn chị Trương Thị M đã được Toà án triệu tập đến phiên toà hợp lệ nhưng anh P, chị M đều có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử, căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh P và chị M.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh P và chị M tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 đến nay, có đủ điều kiện kết hôn theo Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nhưng không đăng ký kết hôn nên được xác định là hôn nhân không hợp pháp. Việc anh P yêu cầu Toà án không công nhận anh và chị M là vợ chồng, cần áp dụng khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, điểm b Mục 3 Nghị quyết số 35/NQ-2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P.

[4] Về con chung: Anh P và chị M có 02 con chung là Nguyễn Thị Q, sinh năm 1996 và Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1999 đều đã trưởng thành, anh P và chị M đều không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh P và chị M không yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Anh P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Anh Nguyễn Văn P và chị Trương Thị M có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, điểm b Mục 3 Nghị quyết số 35/NQ-2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ giữa anh Nguyễn Văn P và chị Trương Thị M là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn P và chị Trương Thị M có 02 con chung là Nguyễn Thị Q, sinh năm 1996 và Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1999. Cả 02 con đều đã trưởng thành, anh P và chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn P và chị Trương Thị M không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn anh P đã nộp theo Biên lai thu tiền số 00041... ngày 14-6-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Anh Nguyễn Văn P đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn P và chị Trương Thị M được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trong trường hợp Bản án được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Văn Thao

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lợi **Đỗ Văn Thư** **Phạm Văn Thao**

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã An Đồng (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Văn Thao